PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT có:

* 1 Khái niệm
* 2 Hình thức của biện chứng
* 2 nguyên lý
* 6 cặp phạm trù
* 3 quy luật

1. Khái niệm

* Phép biện chứng là học thuyết nghiên cứu về biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan để khái quát lên thành các nguyên lý, quy luật.

1. 2 hình thức của biện chứng di vật:
2. Biện chứng khách quan

* Là biện chứng của thế giới vật chất
* Thể hiện rõ qua 2 nguyên lý, 3 quy luật và 6 cặp phạm trù

1. Biện chứng chủ quan

* Là biện chứng khách quan được phản ánh vào trong bộ óc của con người
* Sinh ra lý luận nhận thức

1. 2 nguyên lý
2. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

* *Khái niệm:*

+ **Liên hệ:** là quan hệ giữa hai đối tượng mà sự thay đổi của một trong số chúng nhất định làm đối tượng kia thay đổi.

+ **Mối liên hệ:** là sự tác động quy định, chuyển hóa lẫn nhau giữa sự vật với sự vật, hiện tượng với hiện tượng, giữa các yếu tố bộ phận cấu thành nên một sự vật hiện tượng.

* *Nội dung:*

+ Nội dung khái quát:

Không có bất cứ sự vật hiện tượng nào tồn tại một cách độc lập, cô lập. Tất cả các sự vật hiện tượng đều tồn tai trong vô vàn các mối liên hệ

+ Tính chất:

**Khách quan:** Không phụ thuộc vào ý thức, mong muốn, tình cảm của con người

**Phổ biến:** Tồn tại trong tất cả các lĩnh vực khác nhau, từ tự nhiên, xã hội cho đến tư duy

**Đa dạng:** Mỗi sự vật, hiện tượng, con người đều tồn tại trong hệ mối liên hệ khác nhau

+ Phân loại mối liên hệ:

Sự phân chia mối liên hệ chỉ mang tính tương đối mà thôi

Trực tiếp - Gián tiếp

Bên trong - Bên ngoài

Chủ yếu - Thứ yếu

* *Ý nghĩa*

+ Quan điểm khách quan:

Yêu cầu khi chúng ta xem xét sự vật và hiện tượng, thì chúng ta không được cộng thêm và cũng không được trừ bớt đi các mối liên hệ, mà phải tôn trong các mối liên hệ như nó vốn có.

+ Quan điểm toàn diện

Phải xem xét tất cả các mặt, các yếu tố, các không gian, các thời gian khác nhau.

+ Quan điểm lịch sử cụ thể

Đặt sự việc, hiện tượng vào trong một không/thời gian cụ thể để xem xét.

1. Nguyên lý về sự phát triển

* *Khái niệm*

+ **Theo quan điểm biện chứng**: là sự vận động phát triển theo hướng đi lên, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp và sự phát triển không diễn ra theo đường thẳng mà quanh co phức tạp thậm chí có những bước thụt lùi

+ **Theo quan điểm siêu hình:** sự tăng hoặc giảm về mặt lượng, không có sự thay đổi về chất, không có sự ra đời của sự vật, hiện tượng mới

* *Nội dung*

+ Tất cả các sự việc trong

+ Tính chất:

**Khách quan:** nguồn gốc của sự phát triển do các QL khách quan chi phối mà cơ bản nhất là QLMT.

**Phổ biến:** Sự phát triển diễn ra ở trong mọi lĩnh vực, mọi sự vật, hiện tượng, mọi quá trình và giai đoạn của chúng và kết quả là cái mới xuất hiện.

**Đa dạng:** Quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng không hoàn toàn giống nhau, ở những không gian và thời gian khác nhau; chịu sự tác động của nhiều yếu tố và điều kiện lịch sử cụ thể.

* *Ý nghĩa*

+ Khi xem xét sự vật, hiện tượng phải luôn đặt nó trong khuynh hướng vận động, biến đổi, chuyển hóa nhằm phát hiện ra xu hương biến đổi

+ Nhận thức sự vật, hiện tượng trong tính biện chứng để thấy được tính quanh co, phức tạp của sự phát triển

+ Biết phát hiện và ủng hộ cái mới; chống bảo thủ , trì trệ định kiến

+ Biết kế thừa các yếu tố tích cực từ đối tượng cũ và phát triển sáng tạo chúng trong điều kiện mới

1. 6 cặp phạm trù

* **Cái riêng và cái chung**

+ *Khái niệm:*

***Cái riêng***để chỉ một SV, HT, một quá trình nhất định.

***Cái chung***chỉ những mặt, những thuộc tính, yếu tố, quan hệ tồn tại phổ biến trong nhiều SV, HT

***Cái đơn nhất*** là những đặc tính, tính chất chỉ tồn tại ở một SV, HT và không lặp lại ở sự vật khác.

*+ Quan hệ biện chứng giữa cái riêng và cái chung:*

Cái riêng chỉ tồn tại trong mối quan hệ với cái chung, không có cái riêng tách rời cái chung.

Cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, còn cái chung thì sâu sắc hơn cái riêng.

Cái đơn nhất có thể biến thành cái chung và ngược lại

+ *Ý nghĩa phương pháp luận:*

Muốn nhận thức được cái chung, cái bản chất thì phải xuất phát từ cái riêng

Nhiệm vụ của nhận thức là phải tìm ra cái chung và trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào cái chung để cải tạo cái riêng.

Trong hoạt động thực tiễn ta cần chủ động tác động vào sự chuyển hoá cái mới thành cái chung để phát triển nó, và ngược lại cái cũ thành cái đơn nhất để xóa bỏ nó

* **Nguyên nhân và kết quả**

*+ Khái niệm:*

**Nguyên nhân** là phạm trù dùng để chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng hay giữa các sự vật, hiện tượng với nhau tạo ra một sự biến đổi nhất định.

**Kết quả** là phạm trù dùng để chỉ những biến đổi xuất hiện do những tác động giữa các mặt, các yếu tố trong một sự vật hoặc giữa các sự vật, hiện tượng tạo nên.

*+ Quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả:*

Mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả là tất yếu khách quan.

Nguyên nhân là cái sinh ra kết quả.

Nguyên nhân và kết quả có thể chuyển hóa lẫn nhau.

Sự tác động của nguyên nhân đến kết quả có thể theo hai hướng: thuận, nghịch, vì thế các kết quả được sinh ra từ nguyên nhân cũng khác nhau.

+ *Ý nghĩa phương pháp luận:*

Trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn phải bắt đầu từ việc đi tìm những nguyên nhân xuất hiện sự vật, hiện tượng.

Cần phải phân loại các nguyên nhân để có những biện pháp giải quyết đúng đắn.

Phải tận dụng các kết quả đã đạt được để tạo điều kiện thúc đẩy nguyên nhân phát huy tác dụng, nhằm đạt mục đích đã đề ra.

* **Tất nhiên và ngẫu nhiên**

*+ Khái niệm:*

**Tất nhiên** là cái do những nguyên nhân cơ bản, bên trong của kết cấu vật chất quyết định và trong những điều kiện nhất định phải xảy ra đúng như thế chứ không thể khác.

**Ngẫu nhiên** là cái không phải do bản thân kết cấu của sự vật, mà do các nguyên nhân bên ngoài, do sự ngẫu hợp của nhiều hoàn cảnh bên ngoài quyết định; do đó, nó có thể xuất hiện, có thể không xuất hiện, có thể xuất hiện như thế này, cũng có thể xuất hiện như thế khác.

*+ Mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả:*

Tất nhiên và ngẫu nhiên tồn tại một cách khách quan, ở bên ngoài và độc lập với ý thức của con người.

Tất nhiên và ngẫu nhiên là hai mặt thống nhất và đối lập.

Tất nhiên và ngẫu nhiên có thể chuyển hóa cho nhau.

+ *Ý nghĩa phương pháp luận:*

Nhiệm vụ của nhân thức là nhận thức cái tất nhiên.

* **Nội dung và hình thức**

+ *Khái niệm:*

**Nội dung** là tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật.

**Hình thức** là phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố của nó.

*+ Mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức:*

Nội dung và hình thức thống nhất và gắn bó khăng khít với nhau.

Nội dung quyết định hình thức.

Hình thức không thụ động mà tác động trở lại nội dung.

*+ Ý nghĩa phương pháp luận:*

Không tách rời nội dung với hình thức.

Cần căn cứ trước hết vào nội dung để xét đoán sự vật.

Phải theo dõi sát mối quan hệ giữa nội dung và hình thức.

Cần sáng tạo lựa chọn các hình thức của sự vật.

* **Bản chất và hiện tượng**

*+ Khái niệm:*

Bản chất là tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên tương đối ổn định ở bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật đó.

Hiện tượng là sự biểu hiện của những mặt, những mối liên hệ thuộc bản chất của sự vật, hiện tượng ra bên ngoài.

*+ Mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng:*

Bản chất và hiện tượng tồn tại khách quan trong cuộc sống.

Sự thống nhất giữa bản chất và hiện tượng.

Tuy thống nhất với nhau, bản chất và hiện tượng cũng có sự mâu thuẫn.

*+ Ý nghĩa phương pháp luận:*

Trong hoạt động nhận thức, để hiểu đầy đủ về sự vật, ta không nên dừng lại ở hiện tượng mà phải đi sâu tìm hiểu bản chất của nó.

Trong quá trình nhận thức bản chất của sự vật phải xem xét rất nhiều hiện tượng khác nhau từ nhiều góc độ khác nhau.

* **Khả năng và hiện thực**

*+ Khái niệm:*

**Khả năng** là cái hiện chưa có, chưa tới nhưng nó sẽ có, sẽ tới khi có các điều kiện thích hợp.

Có 2 loại khả năng:

Khả năng **thực tế** là những khả năng do các mối liên hệ tất nhiên quyết định, xuất hiện từ bản chất bên trong của sự vật và khi có đầy đủ điều kiện sẽ trở thành hiện thực.

Khả năng **hình thức**, hay khả năng ảo, khả năng trừu tượng là những khả năng do các mối liên hệ ngẫu nhiên, quan hệ bên ngoài mang đến và chưa có đủ điều kiện để chuyển hóa thành hiện thực.

**Hiện thực** là những gì hiện có, hiện đang tồn tại thực sự.

Có 2 loại hiện thực:

Hiện thực **khách quan**: Chính là thế giới vật chất đang tồn tại khách quan.

Hiện thực **chủ quan**: Là ý thức, tư tưởng đang tồn tại trong mỗi con người.

*+ Mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực:*

Khả năng và hiện thực tồn tại trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không tách rời nhau, luôn chuyển hóa lẫn nhau.

Các khả năng có thể cùng tồn tại với nhau.

Sự biến đổi của mỗi khả năng.

Mỗi khả năng không phải là không thay đổi. Nó tăng lên hay giảm đi tùy thuộc vào sự biến đổi của sự vật trong những điều kiện cụ thể.

*+ Ý nghĩa phương pháp luận:*

Trong hoạt động thực tiễn, phải dựa vào thực tế nhưng cũng cần tính đến các khả năng.

Thực hiện quy trình, cách thức xác định các khả năng trong thực tiễn.

Tiến hành lựa chọn và thực hiện các khả năng.